

1. Công thức

Khẳng định: S + will + have + V3/-ed.

Phủ định: S + will + not + have + V3/-ed

Nghi vấn: Will + S + have + V3/-ed?

Chú thích: S - chủ ngữ, V3/-ed(Vpp/-ed) - động từ cột 3 trong bảng bất quy tắc hoặc động từ đuôi "ed"

2. Cách dùng

Dùng để diễn tả một hành động hay sự việc hoàn thành trước một thời điểm trong tương lai.

Ví dụ:

- I will have finished my homework before 9 o'clock this evening.

(Cho đến trước 9h tối nay tôi sẽ hoàn thành xong bài tập về nhà rồi)

Dùng để diễn tả một hành động hay sự việc hoàn thành trước một hành động hay sự việc khác trong tương lai.

Hành động, sự việc hoàn thành trước sẽ chia thì tương lai hoàn thành. Hành động, sự việc xảy ra sau sẽ chia thì hiện tại đơn.

Ví dụ

- I will have made the meal ready before the time you come tomorrow.

(Ngày mai tôi đã chuẩn bị bữa ăn sẵn sàng trước khi bạn đến ngày mai)

3. Dấu hiệu nhận biết

Trong câu có các cụm từ:

- by + thời gian trong tương lai
- by the end of + thời gian trong tương lai
- by the time ...
- before + thời gian trong tương lai

Ví dụ:

By the end of this month I will have taken an English course.

(Cho tới cuối tháng này thì tôi đã tham gia một khóa học Tiếng Anh rồi)